

CHỦ NGHĨA TAM DÂN TÔN TRUNG SƠN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Triết học yêu nước cách mạng cứu dân tộc

PGS. NGUYỄN VĂN HỒNG

Trường Đại học KHXH và Nhân văn

Tôn Trung Sơn là nhà tư tưởng cách mạng tâm cỡ không chỉ của cách mạng dân tộc của Trung Quốc. Tư tưởng cách mạng Tam dân chủ nghĩa của ông đã ảnh hưởng đến các nhà cách mạng dân tộc châu Á thế hệ kế tiếp ông. Hồ Chí Minh là một nhân vật lịch sử sinh ra sau ông 24 năm (Tôn Trung Sơn sinh năm 1866, Hồ Chí Minh sinh năm 1890)⁽¹⁾.

Cả hai nhân vật vĩ đại này đều cùng sống trong thời đại mà như Mác từng tổng kết “đó là thời kì phương Tây chinh phục phương Đông, thành thị chinh phục nông thôn”⁽²⁾. Dù muốn hay không, cả thế giới phương Đông lạc hậu đều bị cuốn vào cơn lốc kinh tế tư bản chủ nghĩa, cuốn vào quỹ đạo phát triển chung. Đế quốc thực dân Âu Mỹ đã “xâm thực phá hoại những công xã nhỏ bé nửa man rợ nửa văn minh... thủ tiêu cơ sở kinh tế

của những công xã ấy và do đó đã thực hiện một cuộc cách mạng xã hội hết sức vĩ đại”⁽³⁾. Các nước thực dân đế quốc đã phải hoàn thành hai sứ mệnh: “*Sứ mệnh phá hoại và sứ mệnh xây dựng – một mặt là phá hoại xã hội cũ của châu Á và mặt khác là đặt cơ sở cho xã hội phương Tây ở châu Á*”⁽⁴⁾.

Các nước châu Á lạc hậu, Trung Quốc, Việt Nam và đều bị xâm lược sâu xé nô dịch. Bối cảnh lịch sử đó đã đặt lên vai hai dân tộc nhiệm vụ lịch sử thiêng liêng: Đấu tranh giành lại *Độc lập, Tự do*, xây dựng cuộc sống *Hạnh phúc*.

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ - TIẾNG NÓI CHUNG CỦA HAI DÂN TỘC CÙNG CẢNH NGỘ

Sự nô dịch tàn bạo của chủ nghĩa tư bản thực dân xâm chiếm thống trị Trung Quốc và Việt Nam vào nửa cuối thế kỷ

XIX (Trung Quốc năm 1840 và Việt Nam 1858 bị Anh, Pháp xâm lược và nô dịch). Cuộc đấu tranh nhằm giành lại quyền chính trị độc lập của mình là một *quá trình nhận thức, tìm đường, tổ chức và hành động* tạo nên sức mạnh có hiệu quả. Nhìn vào lịch sử của cả hai quốc gia ta thấy hai quốc gia phải qua nhiều lần đấu tranh thất bại mới dần ngộ ra con đường phải đi. Cả Tôn Trung Sơn và Hồ Chí Minh đều là những vĩ nhân qua trải nghiệm nhận thức và thực thi. Với con mắt dân tộc và thời đại đã phát hiện con đường đấu tranh cách mạng.

Cách mạng là sáng tạo, mục đích của cách mạng và lí luận cách mạng là nhằm *cải tạo thế giới. Đó cũng là bản chất triết học trong lí luận của chủ nghĩa Tam dân Tôn Trung Sơn và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Vấn đề nóng bỏng và bức thiết xuyên suốt một thời gian dài lịch sử của cả hai quốc gia đó là chống nô dịch giải phóng, và phát triển giàu mạnh “phú cường”. Nói như Nguyễn Trường Tộ (1830 – 1871) nhà tư tưởng canh tân của Việt Nam thế kỉ XIX là “vấn đề lớn nhất là vận mệnh Tổ quốc”.

Để nhận thức được qui luật thuận dòng lịch sử, Trung Quốc cũng phải đi mất khoảng 60 – 70 năm. “Triều sóng của thế giới cuộn cuộn dâng, thuận dòng thì sống. Nghịch dòng thì chết”⁽⁶⁾. Đó là qui luật lịch sử. Nhưng nhận thức được đâu có dễ. Triết học tư tưởng Tam dân Tôn Trung Sơn minh giải: “Định nghĩa theo cách đơn giản nhất thì *chủ nghĩa Tam dân là chủ nghĩa cứu nước...* Chủ nghĩa Tam dân đưa Trung Quốc tới địa vị

quốc tế bình đẳng, địa vị kinh tế bình đẳng, làm cho Trung Quốc mãi tồn tại trên thế giới... Tin theo chủ nghĩa Tam dân thì sẽ có thể nảy sinh lực lượng cách mạng cực lớn. Thứ lực lượng cực lớn này sẽ có thể cứu Trung Quốc”⁽⁶⁾.

Có lẽ đây là chỗ gặp gỡ của tư tưởng các nhà cách mạng dân tộc châu Á. Hồ Chí Minh (Việt Nam), Hose Rizan (1861 – 1896, Philippin), Sukarno (1901 – 1970, Indonesia), Gandhi (1869 – 1948, Ấn Độ), Nerhu (1889 – 1964, Ấn Độ). Những con người đều xuất phát từ cơ sở yêu nước đến với cuộc đấu tranh xóa gông xiềng trói buộc tủ nhục của dân tộc. Nỗi khát khao giành độc lập cho dân tộc được phản ánh khi thời cơ giải phóng cho dân tộc đến, Hồ Chí Minh đã nói “Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành lấy độc lập cho dân tộc”. Câu nói ấy với niềm tin có sức lay động hàng triệu con tim dân tộc và làm nên kì tích cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam.

Douglas Pike, một chuyên gia của Mỹ chuyên nghiên cứu tình hình Đông Nam Á, đã từng khoác áo trợ lí ngoại giao ở nhiều quốc gia châu Á, nhất là đã từng là chuyên gia nghiên cứu vấn đề Việt Nam trong thời kì Mỹ sa lầy về vấn đề chiến tranh Việt Nam. Trong cuốn sách “Lịch sử của chủ nghĩa Cộng sản Việt Nam 1925 - 1976”, ông đã có nhận định sắc sảo: “Không có Hồ Chí Minh và những cán bộ của ông, lịch sử Việt Nam sẽ khác xa...”⁽⁷⁾.

Nhìn qua dòng lịch sử cận đại của hai dân tộc Trung Quốc và Việt Nam ta sẽ thấy hiện tượng lịch sử tương đồng giữa hai dân tộc, và bối cảnh lịch sử tương

đồng đó đã tạo nên sự gặp gỡ nhận thức của hai nhà tư tưởng vĩ đại Tôn Trung Sơn – Hồ Chí Minh trong cùng một mục đích cứu nước.

Trung Quốc: năm 1840 – 1842 nổ ra chiến tranh Thuốc phiện – chiến tranh xâm lược của đế quốc Anh nô dịch Trung Hoa. Năm 1851 – 1864 nổ ra cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc, lực lượng nông dân với tư tưởng dân tộc chống phong kiến Mãn Thanh, chống đế quốc nhằm cứu Trung Quốc nhưng thất bại.

Từ những năm 60 đến những năm 90 thế kỉ XIX, thế lực phong kiến nắm quyền thống trị dân tộc thi hành chính sách “Dương vụ” (học phương Tây) với mục đích “học phương Tây để trị lại phương Tây” (Học chi pháp chi – 学之法之), khác với người Nhật Bản là “Học phương Tây, đuổi kịp phương Tây, vượt phương Tây”⁽⁸⁾.

Năm 1898, phong trào Duy tân Mậu Tuất, Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu mong tiến hành một cuộc cải cách duy tân như Nhật Bản để giàu mạnh, nhưng đã bị thất bại.

Năm 1890 – 1911, Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân thắng lợi trong việc xóa đi triều đại phong kiến Mãn Thanh, khẳng định tư tưởng cộng hòa. Tuy nhiên cách mạng Tân Hợi đã thất bại trong nhiệm vụ thay đổi tính chất kinh tế của xã hội. Chính vì vậy, đánh giá về cuộc cách mạng Tân Hợi đã xuất hiện kết luận biện chứng hai mặt đánh giá từ kết quả của nó : thắng lợi trong việc xóa đi chế độ phong kiến thay bằng chế độ cộng hòa, nhưng thất bại là bản chất xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến Trung Quốc vẫn không thay đổi.

Việt Nam: năm 1858, Pháp đánh Đà Nẵng tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam. Từ năm 1858, suốt nửa cuối thế kỉ XIX đấu tranh chống Pháp dưới ngọn cờ Cần Vương; sau đó, phong trào nông dân Yên Thế với Hoàng Hoa Thám lãnh đạo chống Pháp. Tư tưởng duy tân xuất hiện với xu hướng cải cách của Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Phan Chu Trinh v.v... Từ sau năm 1911 tương đương với thời kì cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc, Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh sau này) đã đi về phương Tây suy nghĩ về con đường giải phóng, cõi trời gông xiềng, trần trở tìm con đường đấu tranh có hiệu quả để cứu dân tộc. Tính thời đại, dân tộc về con đường giải phóng dân tộc đã định vị một hướng đi thời đại giải phóng dân tộc rõ nét. Ta có thể tạm gọi đó là con đường cách mạng Hồ Chí Minh. Con đường này có nhiều nét tương đồng với tư tưởng Tam dân: dân tộc độc lập – dân quyền tự do – dân sinh hạnh phúc của Tôn Trung Sơn. Tất nhiên thời đại hoàn thành mục đích độc lập tự do của Hồ Chí Minh được định vị bởi ảnh hưởng của con đường cách mạng tháng Mười Nga có màu sắc hàm chứa nội dung khác với tư tưởng Tôn Trung Sơn. Nhưng mục tiêu giải phóng dân tộc tự do và hạnh phúc vẫn cơ bản là đồng nhất hướng tới mục đích “đại đồng”.

Như ta biết, “phàm một dân tộc chinh phục một dân tộc khác, đương nhiên không để cho dân tộc đó có tư tưởng độc lập”⁽⁹⁾. Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng sâu sắc của triết thuyết ứng xử Trung Hoa. Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 7 năm 1946 trong đáp từ buổi chiêu đãi của Chủ tịch

Bi-đôn (Pháp) đã nói rõ triết lí đạo Khổng và triết lí phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Cái ta không muốn đừng bắt người khác phải chấp nhận = Cái ta không muốn ắt người không ưa)⁽¹⁰⁾. Định đề triết học nhân văn mang tính chân lý nhân văn không thể chối cãi. Đó cũng chính là tư tưởng cốt lõi của văn hóa truyền thống Nho giáo phương Đông.

Về tư tưởng xã hội “đại đồng” tương ứng với chủ nghĩa cộng sản; Với nhận thức lớn lao Tôn Trung Sơn, Hồ Chí Minh, *thế giới đại đồng* được lí giải như là phản ánh khát vọng của nhân loại về ước mơ. Tôn Trung Sơn trong những trang thủ bút (xem Tôn Trung Sơn Tuyển tập) đã ghi chép đoạn văn phản ánh toàn bộ tư tưởng Nho giáo Khổng Tử về ước mơ “*xã hội đại đồng*” - “*thiên hạ vi công*”.

Xã hội đại đồng trong “*thiên Lễ vận*” nói về thiên hạ vi công, thế giới đại đồng là khung cảnh xã hội, khung cảnh chính trị xã hội Khổng Tử mơ ước, nhân dân Trung Quốc khát vọng. Tôn Trung Sơn còn chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng nông dân Thái Bình Thiên quốc (1864-1864) mơ ước về một xã hội “Thiên hạ một nhà cùng hưởng Thái bình”. Với tư tưởng vì dân vĩ đại Tôn Trung Sơn đã giương cao ngọn cờ Bác ái và Thiên hạ vi công coi như mục tiêu xã hội lý tưởng.

Có lẽ theo cách nhìn đó, Tôn Trung Sơn - Hồ Chí Minh đã gặp nhau trong nhận thức lí giải về xã hội đại đồng tương ứng với chủ nghĩa cộng sản. Đó cũng là cách lí giải của nhà yêu nước Phan Bội

Châu. “Cách đây 2500 năm, ở Á Đông, đức Khổng Tử đã đề xướng ra học thuyết Đại đồng. Tuy trên mặt chữ chưa có danh từ hai chữ *xã hội*, mà kỳ thực tinh thần của xã hội chủ nghĩa là đại đồng vậy”⁽¹¹⁾. Hồ Chí Minh nói: “Khổng Tử vĩ đại (551 trước CN)” khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản. Ông từng nói: thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu, chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xóa bỏ nghèo nàn...”⁽¹²⁾.

Nền văn hóa Nho giáo thấm sâu ảnh hưởng tư tưởng Tam dân Tôn Trung Sơn và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các nhà nghiên cứu về Tôn Trung Sơn đều có thể thấy rõ nguồn gốc cơ sở tư tưởng gồm ba mặt:

1. Gia tài tư tưởng truyền thống văn hóa nhân văn Trung Hoa mà cốt lõi là Nho giáo với thực tiễn Trung Hoa.
2. Tiếp thu tư tưởng cách mạng thời đại. Tích hợp văn hóa thế giới tạo nguồn lực phát triển.
3. Thiên tư cá nhân, tư duy sáng tạo độc lập.

Trong tư tưởng triết học của Tôn Trung Sơn, Hồ Chí Minh, tính sáng tạo trên cơ sở truyền thống, thực tiễn và thời đại cách mạng đã thành mạch liên thông. Điều này giúp ta có thể lí giải lời nói của Hồ Chí Minh:

“Chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách thích hợp với điều kiện nước chúng tôi... Khổng Tử, Giê-su, Các Mác, Tôn Dật Tiên có những ưu điểm chung... Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội... Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”⁽¹³⁾.

Chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa dân sinh bắt nguồn từ cơ sở xã hội phương Đông.

Ngay từ cương lĩnh cách mạng đầu tiên, Tôn Trung Sơn đã nhận thức rõ vấn đề xã hội Trung Quốc là xã hội nông nghiệp, nông dân chiếm đa số trong cư dân. Truyền thống và thực tiễn Trung Hoa cho Tôn Trung Sơn nhận thức rõ việc muốn thay đổi bộ mặt Trung Hoa, muốn tiến hành cuộc cách mạng phải xuất phát từ đa số cư dân nông dân. Điều đầu tiên Tôn Trung Sơn nghĩ tới là đời sống đa số cư dân nông dân về cuộc sống và sức mạnh, về cái ăn là nhu cầu tồn tại đầu tiên của con người: Dân dĩ thực vi thiên, Hồ Chí Minh đã giải thích câu trên là: Không có ăn là không có cả trời

Như ta biết, Tôn Trung Sơn ra đời chỉ hai năm sau khi cuộc cách mạng nông dân vĩ đại Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo bị thất bại. Tuổi thiếu niên của Tôn Trung Sơn đã tắm mình trong những câu chuyện về các anh hùng nông dân Quảng Tây, Quảng Đông đã đốt lên ngọn lửa cách mạng, lan cháy giải phóng 14 tỉnh từ Nam Trung Quốc đến tận Nam Kinh, xây dựng nên nhà nước nông dân mong ước, bình đẳng, một xã hội thái bình. Tuy thất bại nhưng bản anh hùng ca về các chiến sĩ nông dân cách mạng đã để lại bao bài học về sức mạnh bất khuất của nông dân trời dậy. Tôn Trung Sơn đã nhận được những bài học đáng giá. Sau này, ông từng nhận định: “Chế độ kinh tế mà Hồng Tú Toàn thực hiện là thực tế cộng sản chứ không phải ngôn luận”⁽¹⁴⁾.

Rõ ràng là trên cơ sở truyền thống nhận thức Nho giáo “dân vi bang bản”

(dân là gốc của nước). Sức mạnh đỡ thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân. Tôn Trung Sơn đã thấy những yêu cầu thực tế của nông dân, tư tưởng mong muốn thực hiện xã hội “có cơm cùng ăn, có áo cùng mặc, có tiền cùng tiêu, không nơi nào là không đồng đều, không ai là không no ấm... Họ muốn xây dựng một xã hội ‘thiên hạ nhất gia cộng hưởng thái bình’ (thế giới một nhà, cùng hưởng yên ấm)”. Ta có thể lí giải quan điểm của Tôn Trung Sơn ngay từ cương lĩnh cách mạng đầu tiên “bình quân địa quyền”. Tôn Trung Sơn đã nắm được khát vọng về ruộng đất của nông dân “khi chủ nghĩa dân sinh thực sự đạt được mục đích, vấn đề nông dân thực sự được hoàn toàn giải quyết, là lúc *người cày phải có ruộng*. Đó mới có thể coi là kết quả cuối cùng mà chúng ta thu được trong việc giải quyết vấn đề nông dân”⁽¹⁵⁾. Đây cũng chính là nhận thức thực tế về vấn đề nông dân dân tộc mà Tôn Trung Sơn đối mặt. “Có đến 90% nông dân nói chung là không có ruộng... Nông dân hiện nay không cày ruộng của mình, mà cày ruộng cho địa chủ, nông phẩm sản xuất ra quá nửa bị địa chủ cướp đi”⁽¹⁵⁾.

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thực chất là cuộc chiến tranh nông dân, cuộc chiến tranh của nông dân đòi quyền sống, quyền sở hữu ruộng đất và do đó có thể nắm được quyền sở hữu thành quả sản phẩm của mình.

Quan điểm về giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh được nhận thức một cách thỏa đáng kết hợp nhận thức luận điểm của con đường đấu tranh của phương thức sản xuất và thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên ta cũng thấy rõ nhận thức ở

hai vị lãnh tụ này về quan điểm nông dân cụ thể trong điều kiện cụ thể của từng xã hội có khác biệt. Có lẽ trong thực tiễn giải phóng vấn đề nông dân trong thời đại cách mạng dân tộc, hướng tới con đường giàu mạnh, trậ địa cách mạng nông thôn trong việc xây dựng quan hệ nông thôn mới còn chưa có khả năng thi thố những biện pháp sáng tạo có hiệu quả. Đây là vấn đề cần nghiên cứu, luận giải. Nhìn thấy thực tế sức mạnh nông dân, nhiệm vụ giải phóng nông dân, vị trí quan trọng của nông dân trong cách mạng nhưng rõ ràng là vấn đề nông dân cả về nhận thức và biện pháp thực thi cách mạng chuyển mình làm cho tính cách mạng nông dân trong xã hội nông thôn hoạt động có hiệu quả liên tục, cách mạng không ngừng còn là vấn đề trả lời qua thực tiễn nhận thức.

Cơ sở điều kiện lịch sử xã hội Trung Quốc – Việt Nam với triết học cách mạng cứu nước của Tôn Trung Sơn – Hồ Chí Minh đều giải quyết vấn đề cứu dân tộc, cứu nước. Chính vì vậy, tư tưởng triết học của lí luận cách mạng Tôn Trung Sơn – Hồ Chí Minh là nhằm cứu dân tộc, cải tạo xã hội, cải tạo diện mạo dân tộc đất nước. Như ta biết nhiệm vụ của triết học là cải tạo thế giới. Các Mác trong Luận cương về Phơ-Bách viết: “Các nhà triết học trước kia chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là ở chỗ cải tạo thế giới”⁽¹⁶⁾.

Như vậy ta có thể hiểu vì sao Hồ Chí Minh đã dành thời gian đọc dịch Tam dân chủ nghĩa. Và Người đã đánh giá cao tính lí luận và giá trị áp dụng thực tiễn đối với Việt Nam.

II. SỨC MẠNH TRUYỀN THỐNG VÀ CHỦ NGHĨA DÂN SINH. “DÂN VI BANG BẢN”, “DÂN VI QUÍ”

Có lẽ, một điểm nổi bật trong cái nền của tư tưởng Tôn Trung Sơn và Hồ Chí Minh là gia tài văn hóa Khổng giáo thấm đẫm trong cách nhận thức phát huy và nắm chắc những tinh túy ứng xử đạo đức đã thành chuẩn mực tốt đẹp bền vững. Tính sáng tạo và khẳng định làm cho triết thuyết gia tài Khổng giáo có sức sống. Từ nhận thức sức mạnh đoàn kết, dân tộc, tu thân, đạo đức tốt đẹp đều được tích hợp nhân lên thuyết phục lòng người.

Cơ sở của chủ nghĩa dân sinh, mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa dân sinh là “thế giới đại đồng”. Mà như Tôn Trung Sơn giải thích: Mục đích cuối cùng của chủ nghĩa dân sinh. Nó kế thừa quan điểm “dân vi quý”, “dân vi bản” của Nho giáo. Dân sinh là trung tâm của chính trị, trung tâm của kinh tế, trung tâm của mọi hoạt động lịch sử”⁽¹⁷⁾. “Ở nước ngoài, tư bản thuộc sở hữu tư nhân, nên bị hại của tư bản, đại đa số nhân dân đều rất khổ vì thế sinh ra đấu tranh giai cấp để xóa bỏ sự đau khổ này. Chúng ta muốn giải quyết vấn đề xã hội của Trung Quốc, mục tiêu cũng giống với nước ngoài, mục tiêu này là mong muốn nhân dân cả nước đều có thể bình yên, sung sướng, đều không bị khổ sở do tài sản phân phối không hợp lí công bằng, ý muốn loại trừ nỗi khổ đau trên chính là mong muốn của xã hội cộng sản. Chính vì vậy, chúng ta *không thể nói chủ nghĩa cộng sản khác chủ nghĩa dân sinh*. Ý tưởng của chủ nghĩa Tam dân là “*dân hữu, dân trị, dân*

hưởng”. Ý tưởng của dân hữu, dân trị, dân hưởng là nhân dân cộng hữu quốc gia, nhân dân cộng quản chính trị, nhân dân cộng hưởng lợi ích. Theo cách nói này, nhân dân với quốc gia không chỉ là cộng sản, mọi quyền bính đều cộng, đều là của chung, như thế mới là chủ nghĩa dân sinh chân chính, là thế giới đại đồng mà Khổng Tử hằng mơ ước⁽¹⁸⁾. “Nhân loại mưu cầu sinh tồn mới là định luật của tiến hóa xã hội, mới là trọng tâm của lịch sử. Nhân loại mưu cầu sinh tồn... Đó là vấn đề dân sinh. Do vậy, có thể nói vấn đề dân sinh mới là nguyên động lực của tiến hóa xã hội⁽¹⁹⁾”.

Tôn Trung Sơn và Hồ Chí Minh đều gặp nhau ở mục tiêu dân sinh, giải quyết vấn đề no ấm cho dân. Đó là truyền thống, đó là nhiệm vụ thường trực của con người. Lo cho dân, mục tiêu cuối cùng là ăn, mặc, phát triển trí tuệ.

Toàn bộ phần chủ nghĩa dân sinh trong sách Chủ nghĩa Tam dân chỉ bao gồm 4 bài, từ trang 313 đến trang 418. Phần này còn chưa bao gồm tất cả những ý tưởng Tôn Trung Sơn muốn giải bày phần triết thuyết đầy sáng tạo sâu sắc, đầy cơ sở lí luận tích hợp văn hóa phương Đông và nhân loại. Không may Ông đã đột ngột bị mất

Hồ Chí Minh và Tôn Trung Sơn đều tuân giữ về truyền thống nhận thức vũ trụ. Đó là văn hóa phương Đông về triết lí lấy Trời – Đất và Người làm ba nguồn chủ thể. “Đó là ba nguồn chủ thể cấu thành tổng thể vũ trụ. Người ở giữa Đất– Trời. Nhận thức đó được vận hành trong mối quan hệ tác động qua lại liên quan hữu cơ... Trong nhận thức của lí thuyết này, ta nhận

thấy điều quan trọng là con Người ở giữa như là một hiện tượng đương nhiên hằng tồn tại. Nhưng nó hàm chứa nhận thức nhân bản lấy con người làm chủ thể, chủ thể của triết học Trung Quốc .

Hồ Chí Minh đã làm một nhiệm vụ giáo dục quan trọng là Đảng Cộng sản, Chính phủ phải trở thành dân tộc. Người nhấn mạnh “Tục ngữ có câu: *Dân dĩ thực vi thiên*, nghĩa là dân lấy ăn làm trời; nếu không có ăn thì không có cả trời. Lại có câu: có thực mới vực được đạo. Nghĩa là không có ăn thì chẳng làm được gì cả. Vì vậy, Đảng, Chính phủ phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân.

Nếu Dân đói là Đảng, Chính phủ có lỗi

Nếu Dân dốt là Đảng, Chính phủ có lỗi

Nếu Dân ốm là Đảng, Chính phủ có lỗi.⁽²⁰⁾

Dân được độc lập mà đói khổ thì độc lập có nghĩa lí gì!

Có lẽ điều này làm ta có thể hiểu được vì sao ở Trung Quốc, Việt Nam và nhiều quốc gia Đông Nam Á khác, chỉ có Tôn Trung Sơn, Hồ Chí Minh - hai nhà cách mạng dân tộc đã được hai dân tộc coi là “cha của dân tộc” (quốc phụ). Theo tôi, ta nên hiểu nhân dân hai nước đều nhận thức rõ hai nhân vật vĩ đại này trong quá trình đấu tranh cải công xiêng là để dân tộc tái sinh. Cả hai con người vĩ đại này đều có công trong công cuộc làm sống lại, nuôi dưỡng vun trồng sự sống, nuôi dưỡng tâm hồn cũng như thể chất dân tộc. Người đã hóa thân thành dân tộc. Tôi nghĩ nên hiểu vậy, đừng nên nghĩ một cách thô thiển, lý giải một cách giản đơn, sai lệch.

Sức mạnh trí tuệ của những vĩ nhân bao giờ cũng tạo nên từ nhiều nguồn cộng lực. Mà vĩ nhân, lãnh tụ là con người cầm đuốc dẫn đường bằng ngọn lửa của trái tim mình – trái tim Đan-kô soi đường cho cả dân tộc đi theo. Người đã hóa thân thành dân tộc.

Tôn Trung Sơn nói “chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa cứu nước”. Hồ Chí Minh ngay từ những năm 20 thế kỷ XX đã phát hiện ra con đường có thể cứu dân tộc. Con đường có thể đem lại hiệu quả. Từ năm 1858 đến tháng 8 năm 1945, bao nhiêu chiến sĩ đấu tranh vì dân tộc đã hy sinh xương máu; biết bao gian khổ thất bại mới đi đến thắng lợi

Tôn Trung Sơn cùng với tư tưởng của mình đã cùng các nhà cách mạng xóa đi ách thống trị phong kiến hàng ngàn năm Trung Hoa, và mở ra hướng đấu tranh mới cho nền cộng hòa dân chủ, dẫn dắt nhân dân Trung Quốc hướng tới giải phóng, hướng tới con đường chủ nghĩa dân sinh.

Hồ Chí Minh đã cùng dân tộc Việt Nam chớp lấy thời cơ lịch sử, đứng dậy giành độc lập dân tộc và tiếp tục cuộc chiến đấu kiên cường vì độc lập nhân phẩm của dân tộc, nhân phẩm của con người.

Đó là lịch sử không ai có thể phủ nhận.

Ngày nay, nhân dân hai nước đang phấn đấu để hội nhập. Chặng đường đi mới không dễ dàng. Tuy vậy, chúng ta biết rằng, tạo lực cho dân tộc là một quá trình. Sức mạnh ý chí dân tộc và sức thông minh sáng tạo, tư chất của một

dân tộc đều phải bỗng chốc mà có. Cái giá phải trả để tạo nên diện mạo của một dân tộc tự tin đầy khí phách đi vào xây dựng những kì tích mới bắt nguồn từ điều kiện lịch sử xã hội, từ truyền thống tố chất dân tộc. Như Engels nói: “Chúng ta sáng tạo ra lịch sử của chúng ta, nhưng là sáng tạo với những tiền đề và trong những tiền đề xác định. Trong những tiền đề và điều kiện đó, điều kiện kinh tế là tối hậu quyết định. Thế nhưng, những điều kiện chính trị ... và ngay cả cái truyền thống ám ảnh mọi người cũng có tác dụng...”⁽²¹⁾. Trong thư gửi J. Bloch này, Engels còn nhắc đến tính đa nguồn tác động của lịch sử xã hội, kinh tế, văn hóa, tôn giáo đối với lịch sử cũng có tác động không thể không tính tới.

III. TRIẾT HỌC NHÂN BẢN VÀ ĐẠO ĐỨC HOÀN THIỆN MỘT CHẾ ĐỘ DÂN QUYỀN

Một vấn đề triết học được Tôn Trung Sơn đề cập đến một cách sáng tạo là vấn đề dân quyền.

Đây là vấn đề quan trọng thuộc nhận thức lý luận và thực thi. Để đấu tranh sáng lập một chế độ cộng hòa dân làm chủ thay thế chế độ phong kiến, khẩu hiệu Tôn Trung Sơn nêu ra chủ nghĩa dân quyền là “dân quyền tự do và kiến lập dân quốc”. Ở đây, ta thấy Tôn Trung Sơn với quan điểm kế thừa truyền thống, tiếp thu nhận thức hiện đại của thời đại với tư chất của lãnh tụ cách mạng. Ta biết Tôn Trung Sơn đưa ra nhận thức mang tính chất quy luật phủ định – khẳng định. Ông đưa ra tư tưởng “trung với nước” thay thế cho tư tưởng “trung

quân”. Ông nhấn mạnh “người Trung Quốc không thể quên, trước hết là Trung Hiếu, thứ đến là Nhân ái, rồi đến Tín Nghĩa và đến yêu hòa bình ...”. Trong một quốc gia, có thể không cần vua, nhưng không thể không cần Trung. Nếu nói không cần chữ “Trung” thì thử hỏi chúng ta có nước không?... Không tiếc hy sinh tính mạng, đó chính là Trung... Xét về đạo lý vẫn cần tận trung, không trung với vua thì phải trung với nước, trung với dân”⁽²²⁾.

Trong toàn bộ phần luận về nền đạo đức vốn có của Trung Quốc, Trung, Hiếu, Nhân, ái, Tín, Nghĩa, Tôn Trung Sơn trong bài giảng ngày 2 tháng 3 năm Dân Quốc thứ 13 (1924) đã hàm chứa nhận thức giá trị truyền thống đạo đức dân tộc và tính sáng tạo nhận thức cách mạng thời đại. Ở đây, điều thú vị là Hồ Chí Minh đã chịu ảnh hưởng tư tưởng Tôn Trung Sơn để sau này sáng tạo nhận thức “Trung với nước, Hiếu với dân” phục vụ cho tư tưởng cách mạng, giáo dục đào tạo đội ngũ đảng viên, cán bộ cách mạng cho công cuộc cách mạng và xây dựng xã hội Việt Nam.

Ta cũng thấy vấn đề xây dựng con người lí tưởng mà Tôn Trung Sơn – Hồ Chí Minh quan niệm có đầy những nét của lý tưởng tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ truyền thống.

Câu trong sách Đại Học được đặc biệt lý giải như một nguyên tắc nhận thức tu dưỡng ứng xử của con người lý tưởng.

“Cách vật, trí chi, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” câu đó yêu cầu người ta phải phát triển từ trong ra ngoài, bắt đầu từ thế giới bên trong của một cá nhân, rồi mở rộng tới

chỗ làm yên thiên hạ. Không một nhà triết học chính trị nào của nước ngoài nhìn thấy được một lí luận triển khai tinh vi như vậy.

Đây chính là thứ bảo bối đặc biệt vốn có trong tri thức triết học chính trị của chúng ta, cần phải được bảo tồn ... Cái nguyên tắc chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc vốn thuộc phạm vi đạo đức hôm nay, thích hợp hơn là bàn đến với tư cách là vấn đề tri thức”⁽²³⁾.

Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 7 năm 1956 nói chuyện tại trường Đại học Nhân dân ở Hà Nội, trong lớp nghiên cứu chính trị của cán bộ trí thức đã nói:

“... Theo ý riêng tôi thì hạt nhân ấy (của việc học tập) có thể tóm tắt trong 11 chữ: Đại học chi đạo tại minh minh đức, tại thân dân. Nói tóm tắt, minh minh đức là chính tâm. Thân dân tức là phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết. Nói một cách khác tức là “tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc (lo trước thiên hạ, hưởng sau thiên hạ) ...”⁽²⁴⁾.

Đó là sự gặp gỡ trong triết học của Tôn Trung Sơn và triết lý tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mục tiêu cải tạo xã hội, thay đổi một xã hội công bằng, người lao động phải được hưởng thành quả lao động của họ, đó là bản chất tư tưởng triết học Tôn Trung Sơn, triết lý tư tưởng Hồ Chí Minh.

Muốn làm cách mạng phải có tư tưởng cách mạng. Chủ nghĩa Tam dân Tôn Trung Sơn đã ra đời từ mục đích đó. Hồ Chí Minh với mục đích cứu nước làm thay đổi xã hội cũng trước tiên nghĩ tới việc đào tạo con người cách mạng, con

người xã hội chủ nghĩa. Con người có đạo đức, dám hy sinh cho lý tưởng độc lập tự do hạnh phúc của nhân dân.

Để bảo đảm cho thể chế xã hội bền vững, quá trình học tập thể chế phương Tây khi Tôn Trung Sơn chủ trương lật đổ chế độ phong kiến để xây dựng chế độ đại nghị, chế độ cộng hòa. Nhưng sau năm 1911 khi giành được chính quyền bị Viên Thế Khải cướp mất, chế độ đại nghị bị quyền lực trong tay Viên Thế Khải vi phạm dân quyền. Năm chức Tổng thống có quyền xóa bỏ Hiến pháp, Viên Thế Khải đã âm mưu khôi phục chế độ phong kiến quyền vua (quân quyền). Cuộc đấu tranh bảo vệ Hiến pháp làm Tôn Trung Sơn thấy những hạn chế và tệ nạn của chế độ đại nghị. Ông nhận ra những hạn chế của chế độ cộng hòa của phương Tây nên từ năm 1916, sau khi Viên Thế Khải chết, ông cho rằng cần phải bổ sung những điều ước thúc bảo vệ quyền lực của dân. “Hiến pháp ngũ quyền” được Tôn Trung Sơn suy nghĩ sáng tạo với mục đích bảo đảm quyền dân đó. Ông muốn chia sẻ bớt quyền của bộ phận nắm chính quyền và tăng quyền giám sát, tổ chức của dân. Đây là thời kỳ hình thành lý luận “Hiến pháp ngũ quyền”.

Tôn Trung Sơn đề ra ranh giới giữa quyền và năng. Và ông cho rằng có thể mới hoàn thiện và thực thi trong cuộc sống dân quyền tự do – bình đẳng, chống tư tưởng quân quyền mà phải bảo đảm dân quyền hướng mục đích ấm no hạnh phúc, quyền sống và mưu cầu hạnh phúc. Điều Tôn Trung Sơn hướng tới là xây dựng một Chính phủ vạn năng, Chính phủ có đủ khả năng đưa nhân dân đến tự

do, ấm no, hạnh phúc. Và để bộ máy chính quyền đừng lạm dụng và nhân dân phải có quyền. Quyền và năng phải phân định ranh giới nhận thức định vị. Nhân dân cần phải có Quyền, bộ máy Chính phủ phải có Năng lực. Đó là cách xây dựng một nền chính trị thực sự vì dân.

Từ nhận thức trên, Tôn Trung Sơn đưa ra quan điểm xây dựng hiến pháp ngũ quyền: *hành chính, lập pháp, tư pháp, khảo thí, giám sát*. Và ông coi đây là trị quyền. Còn nhận thức về tam quyền phân lập, theo ông thì đã tồn tại ở Trung Quốc và phương Tây. Nhưng ở Trung Quốc từ xưa đã có quyền giám sát (Ngự sử thời Đường, gián nghị thời Mãn Thanh), quyền khảo thí tuyển chọn nhân tài là truyền thống đã tồn tại ở Trung Quốc từ lâu. Tuy vậy, làm thế nào để hoàn bị trong một thể chế hài hòa về Quyền, Năng là Tôn Trung Sơn thêm vào. Quyền khảo thí và giám sát là những *trị quyền trên chính quyền*. Ngũ quyền được nằm trong 5 cơ quan:

- Viện hành chính chấp hành chính vụ
- Viện lập pháp nắm quyền pháp luật (Quốc hội)
- Viện tư pháp nắm quyền xét xử
- Viện khảo thí nắm quyền kiểm tra, tuyển chọn quan chức
- Viện giám sát theo dõi quản lý các quan chức của Chính phủ đồng thời nó cũng có thể đề đạt quốc hội cách chức nhân viên của 4 viện trên.

Tôn Trung Sơn nhấn mạnh trong dân quyền nội dung “dân hữu, dân trị, dân hưởng”. Ngũ quyền là lý thuyết xây dựng một thể chế bảo đảm quyền dân và năng

lực chính quyền. Ở đây, Tôn Trung Sơn muốn thoát khỏi sự phát sinh những Chính phủ độc tài sử dụng quyền hạn năng hạn chế quyền dân và cũng tránh cho sự tự do dân chủ vô giới hạn khi quyền tự do cá nhân chưa ý thức đầy đủ. Từ hai phía Chính phủ và dân đều có những ước thúc nhất định để bảo đảm một chính quyền mà ở đó quyền lao động, sống và hưởng quyền được phân phối bình đẳng được tôn trọng. Có lẽ, sự kế thừa truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa trí tuệ thời đại đã tích hợp nên nền tảng văn hóa cách mạng sáng tạo của lý luận Ngũ quyền của Tôn Trung Sơn .

*

* *

Hồ Chí Minh, Tôn Trung Sơn và một đội ngũ những nhà cách mạng châu Á cùng thời đều dồn góp trí tuệ sáng tạo nên cách nghĩ ,cách đi vì *ngọn cờ độc lập tự do và hướng tới hạnh phúc*. Ở khía cạnh đó, những trí tuệ dân tộc, thời đại như chảy vào một dòng sông lớn, hòa nhịp, tác động học tập ảnh hưởng lẫn nhau. Ta thấy như tất cả nhận thức tư tưởng cách mạng đều mang tính triết thuyết nhằm tiến tới “cải tạo” một xã hội áp bức,bất công để xây dựng một xã hội đạt tới lí tưởng công bằng ấm no hạnh phúc : “*Thế giới đại đồng*” .

CHÚ THÍCH:

(1) Tôn Trung Sơn sinh ngày 12-11-1866 tại Quảng Đông, Trung Quốc; Hồ Chí Minh sinh ngày 19-5-1890 tại Nghệ An Việt Nam.

(2), (3), (4): *Mác - Ăng-ghen, Tuyển tập* t.I . St Hanoi 1970 tr.422-426

(5) *Thủ bút Tôn Trung Sơn, Tuyển tập I*, tiếng Trung, Nxb 1962 tr.5

(6). Tôn Trung Sơn. *Tam dân chủ nghĩa* Viện Thông tin KHXH Hà Nội, 1995 tr. 50

(7). Douglas Pikes *History of Vietnamese Communist 1925-1975*, Hower Institution Press P.91

(8). Vinh Sính. *Nhật Bản cận đại* Văn hóa tùng thư, tp. Hồ Chí Minh 1990 tr.109

(9) Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa Tam dân* sdd tr.96

(10) *Hồ Chí Minh*. tập 4, Hà Nội 1984 tr.143-144

(11) *Phan Bội Châu . Xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sinh minh Vinh, 1946 tr.85, dẫn theo Đào Phan *Đạo Khổng trong thơ văn Bác Hồ*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội 1996

(12) *Hồ Chí Minh toàn tập* tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 35

(13) *Trần Dân Tiên* (Trương Niệm Thúc dịch) bản Trung văn. Xem bìa sau của cuốn Tam dân Chủ nghĩa, Viện TTKHXH Việt Nam 1995 sdd

(14) *Tôn Trung Sơn Chủ nghĩa Tam dân* sdd ,tr.122

(15), (16) Tôn Trung Sơn. *Chủ Nghĩa Tam dân* . sdd. tr 377

(17) Karl Marx *Engels Selected works* .vol.2 Moscow 1958 p.4o5

(18) (19). Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa Tam dân*. sdd tr. 344-369 -375

(20). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập7, Sự thật Hà nội 1987 tr.260-261

(21). Karl Marx *Engels Selected works* Vol. 2 Moscow 1958 P .488

(22) Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa tam dân* . Sdd tr. 145

(23), (24) (25) *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7, tr. 150,151,482

